TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HSST
Ngày: 05/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phạm Ngạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực - 4 Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Tĩnh, kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 01/7/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST- HS ngày 22/07/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Thái N; sinh ngày 15/01/2004, tại phường N, tỉnh H; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường N, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và con bà Thái Thị H, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: tiền án: Ngày 01/10/2019 Công an phường Đậu Liêu, thị xã H (nay là phường Nam H), Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản" bằng hình thức cảnh cáo (được coi là không có tiền sự); Ngày 17/9/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh), xử phạt 15 tháng tù, nhưng cho hướng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội "Trộm cắp tài sản"; Ngày 27/9/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh (nay Toà án khu vực 3 - Hà Tĩnh) xử phạt 9 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Thái N chấp hành hình phạt chung là 24 tháng tù. Đến ngày 08/11/2023 chấp hành xong hình phạt *(Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên bị cáo được coi là không có án tích, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự)*; bị bắt, tam giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở giam giữ Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thái N:* Bà Nguyễn Thị Phương T - Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Làm ruộng; địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh H (xã L cũ); có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Trọng T, sinh năm 1981; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường B, thị xã H, tỉnh H (nay là phường B). Có đơn xin xử vắng mặt;

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Duy T, sinh năm 1968; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường B, thị xã H, tỉnh H (nay là phường B). Vắng mặt;

+ Ông Đinh Văn N, sinh năm 1974; nghề nghiệp: Làm ruộng; địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh H (xã L cũ); có mặt;

+ Ông Hoàng G, sinh năm 1955; nghề nghiệp: Làm ruộng; địa chỉ: Xóm 5, xã D, huyện D, tỉnh N (nay xã A); vắng mặt;

- Người tham gia tố tụng khác: Đồng chí Bùi Văn N (tổ trưởng); đồng chí Bùi Xuân Đ (tổ Phó); Bùi Công N; Trần Văn S - Cán bộ dẫn giải, tham gia hỗ trợ phiên toà; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Thái N đang có nhu cầu tìm việc làm, nên N nhờ anh Trần Duy T giới thiệu tìm việc làm. Sáng ngày 13/5/2025 anh Trần Duy T điều khiển xe máy chở Nhất đến nhà anh Trần Văn N ở xã Lộc Yên, huyện H (nay là xã H) để nhờ anh T tìm việc làm cho N, khi đến nhà anh N thì anh N đồng ý tìm việc cho N và đồng ý cho N ở lại nhà anh N chờ việc làm. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị D điều khiển xe mô tô Wave alpha, biển kiểm soát 38AA- 342.21 đến thu hoạch ngô giúp anh N và có N cùng giúp anh N thu hoạch ngô cùng. Trong Lúc thu hoạch ngô, Thái N phát hiện xe mô tô của bà D đang cắm chìa khoá ở ổ khoá nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lúc này Thái N đi lại vị trí chiếc xe rồi cầm chìa khoá mở cốp xe tìm kiếm tài sản, thì phát hiện bên trong cốp xe có một chiếc ví da nên N lấy chiếc ví ra và cất dấu vào lưng quần của mình rồi đi xuống bờ sông (cách vị trí xe bà D khoảng 100m) mở ví ra kiểm tra thấy bên trong có 8.020.000 đồng, N lấy toàn bộ tiền trong ví bỏ vào túi quần rồi vứt chiếc ví tại bờ sông. Khoảng 18 giờ cùng ngày, N nhờ anh N chở ra thị trấn H (nay là xã H) bắt xe ô tô khách về thị xã H (nay là phường N). Đến sáng ngày 14/5/2025 N đến cửa hàng sửa chữa xe mô tô của anh Phạm Trọng T ở phường B mua 1 chiếc xe loại Dream, biển kiểm soát 37P5- 6840, với giá tiền 3.600.000 đồng, số tiền còn lại sử dụng một phần để tiêu xài cá nhân. Khi bà D đi xe về nhà

mở cốp xe ra để lấy ví tiền thì phát hiện ví da và toàn bộ số tiền trong ví bị mất nên trình báo Công an xã L (nay là xã H).

Ngày 16/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H thực hiện bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với N, đồng thời thu giữ chiếc xe mô tô BKS 37P5-6840 cùng với giấy đăng ký xe và số tiền 1.152.000 đồng. Tại Cơ quan điều tra N thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Việc thu giữ và xử lý vật chứng: 4.752.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, số IMEI 860671054239915, 860671054239907; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Dream, sơn màu nâu, số máy 100-10033158, số khung MD- 81018408, BKS 37P5-6840 và giấy đăng ký xe cấp cho anh Hoàng G; 01 chiếc ví da bên ngoài có hoa văn nhiều màu sắc.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Drem, sơn màu nâu, BKS 37P5-6840 là xe của anh Hoàng G, bán cho anh Phạm Trọng T, anh T bán lại cho bị cáo N. Quá trình mua bán anh T không biết bị cáo N sử dụng tiền do trộm cắp mà có để mua xe nên anh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho anh Phạm Trọng T. Còn 01 chiếc ví hình chữ nhật, có kích thước 24cm x 13cm , chất liệu nhựa ni long, bên ngoài có hoa văn nhiều màu sắc và số tiền 4.752.000 đồng là tiền do bị cáo đã lấy trộm của bà D nên Cơ quan điều tra trả lại chiếc ví và tiền cho bà Nguyễn Thị D.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị D sau khi nhận lại số tiền 4.752.000 đồng, bà D tiếp tục yêu cầu bị cáo Thái N bồi thường số tiền còn lại là 3.268.000 đồng. Tuy nhiên ngày 02 tháng 8 năm 2025 giữa gia đình bị cáo, trợ giúp viên cho bị cáo cùng bị hại bà Nguyễn Thị D đã thoả thuận bồi thường số tiền còn lai 3.268.000 đồng đầy đủ, nay bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Anh Phạm Trọng T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS - KVS ngày 14/5/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh (nay là khu vực 4 - Hà Tĩnh) truy tố bị cáo Thái N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về hành vi của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan mà xin được giảm nhẹ hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có ý kiến: Về tội danh đối với bị cáo là đồng tình, đề nghị HĐXX xem xét giám nhẹ cho bị cáo; hành vi trộm cắp của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản không lớn, thành khẩn khai báo, bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả, nên đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 52, khoản 1,3 Điều 54, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất có thể; trả lại chiếc điện thoại di động Vi Vo và miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Thái N về tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thái N từ 09

đến 12 tháng tù. Phần dân sự giữa bị cáo và bị hại đã thoả thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị HĐXX không xem xét. Đồng thời đề nghị trả lại chiếc điện thoại di động, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí bị cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Thái N tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa là phù hợp, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 13/05/2025, tại cánh đồng trông ngô "Đượng mức" thuộc thôn Trung Sơn, xã Lộc Yên, huyện H, tỉnh H (nay là xã H, tỉnh H), bị cáo Thái N đã lợi dụng lúc sơ hở, mất cảnh giác nên đã lén lút lấy trộm 01 chiếc ví bên trong có số tiền 8.020.000 đồng của bà Nguyễn Thị D. Như vậy, Cáo trạng số 27/CT-VKS-HK ngày 25/06/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H (nay là Viện kiểm sát khu vực 4 - H) đã truy tố bị cáo Thái N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng: Không; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "thành khẩn khai báo", " tự nguyên bồi thường thiệt hại" theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo từ nhỏ không biết cha đẻ là ai, mẹ đi lấy chồng, bị cáo ở với ông bà ngoại từ nhỏ nên cuộc sống rất khó khăn nên được áp dụng tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo HĐXX nhận thấy: Bị cáo Thái N đã 2 lần bị Tòa án đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản vào ngày 17/09/2020, xử phạt 15 tháng tù cho hướng án treo, thứ thách 30 tháng và ngày 27/09/2021 xử phạt 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án là 24 tháng. Ngoài ra ngày 01/10/2019 bị Công an phường Đậu Liêu ra quyết định xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo có hành vi vi phạm hành chính, phạm tội trộm cắp khi đang ở độ tuổi vị thành niên, nay đã ở tuổi thành niên, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để thay đổi bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội mà ngược lại bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi

thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng". Tuy nhiên xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Trọng T tại phiên tòa không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước bào chữa cho bị cáo về điều luật áp dụng, tội danh, các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên xét đề nghị cho bị cáo được áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo xử dưới khung hình phạt là không phụ hợp; bị cáo có nhân thân đã có hành vi trộm cắp và đã bị 2 lần bị Toà án xét xử về tội trộm cắp, vừa ra tù được 2 năm bị cáo lại tiếp tục thực hiện trộm cắp tài sản của người khác.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị về tội danh, mức hình phạt trách nhiệm dân sự, án phí là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xử lý vật chứng: 4.752.000 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam; 01 chiếc ví hình chữ nhật, có kích thước 24cm x 13cm , chất liệu nhựa ni long, bên ngoài có hoa văn nhiều màu sắc. Cơ quan điều tra trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị D.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Drem, sơn màu nâu, BKS 37P5-6840 là của anh Hoàng G, bán cho anh Phạm Trọng T, anh T bán lại cho bị cáo N. Quá trình mua bán anh T không biết N sử dụng tiền do trộm cắp mà có để mua xe nên anh T đã tự nguyện đã tự nguyện giao nộp số tiền 3.600.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô và giấy đăng ký xe cho anh Phạm Trọng T, theo quy định khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, số IMEI 860671054239915, 860671054239907, bị cáo không sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội nên được trả lại cho bị cáo theo quy định.

[10] Về dân sự: Tổng số tiền bị mất trộm của bị hại Nguyễn Thị D là 8.020.000 đồng. Bị hại đã nhận lại số tiền 4.752.000 đồng tài sản bị mất; số tiền còn lại 3.268.000 đồng giữa gia đình bị cáo cùng trợ giúp viên cho bị cáo và bị hại đã thoả thuận bồi thường xong, tại phiên toà bị hại không có yêu cầu gì thêm, HĐXX miễn xét.

[11] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thái N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Thái N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2025. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng : Trả lại cho bị cáo Thái N 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, số IMEI 860671054239915, 860671054239907. *(Tình trạng, đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/07/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh và Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh).*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- PC 10 CA tỉnh Hà Tĩnh;
- Trại giam Công an tỉnh Hà Tĩnh
- Cục THADS Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THAHS;
- Lưu HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Trọng Hùng